TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:34/2020/HSST
Ngày 15 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hùng

2. Ông Nguyễn Trung Thành.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Khương Thị Phượng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên toà: Bà Diệp Thị Thanh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2020/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Đình Đ, sinh ngày 20/10/1992.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; bố đẻ: Đỗ Đình Th (đã chết); mẹ đẻ: Phùng Thị H, sinh năm 1968; vợ: Kiều Thị Đ, sinh năm 1989; con: 02 lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 64/2012/HSST ngày 15/11/2012 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Bản án số 155/2013/HSST ngày 14/11/2013, Toà án nhân dân thành phố V xử phạt 02 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích". (Tổng hợp hình phạt với 01 năm 03 tháng tù tại Bản án số 64/2012/HSST ngày 15/11/2012 Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch - Đồng phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 03 tháng tù)*. Đồng chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015, chấp hành xong án phí dân sự ngày 23/7/2014.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Chu Thị Hồng V, sinh năm 1989, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã Tr, huyện S, tỉnh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phùng Văn T, sinh năm 1992, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Chu Thị Hồng V, sinh năm 1989 ở xã Tr - huyện S - tỉnh T là công nhân làm tại Công ty TNHH Lợi Tín L có địa chỉ ở thị trấn L, huyện L và được mở một tài khoản số 19033073199014 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chi nhánh V mang tên Chu Thị Hồng V để công ty trả lương, thưởng và các khoản khác mà công ty trả cho công nhân.

Khoảng tháng 5/2019 Đỗ Đình Đ, sinh năm 1992 ở thôn T, xã V, huyện L, tỉnh V vào làm việc tại công ty TNHH Lợi Tín L. Tại đây, Đ làm cùng xưởng và quen với chị V. Khoảng tháng 9/2019 chị V có nhờ Đ tải và lập tài khoản trên ứng dụng F@st mobile Techcombank trên điện thoại di động của chị V, Đ đồng ý và sử dụng điện thoại di động OPPO của chị V tải ứng dụng F@st mobile Techcombank về điện thoại của chị V và đăng ký tài khoản với tên đăng nhập là "0966466742" (là số điện thoại của chị V), mật khẩu là "Vy1989". Sau khi lập tài khoản xong thì Đ đã nhớ tài khoản và nhập mật khẩu đã lập cho chị V. Do thường chơi game giải trí trên điện thoại, cần tiền nạp thẻ game và tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chị V. Ngày 10/02/2020 Đ mượn điện thoại của chị V thực hiện thao tác chuyển mã OTP tài khoản ứng dụng F@st mobile Techcombank trên điện thoại của chị V sang điện thoại Iphone của Đ. Sau khi chuyển xong, Đ thử đăng nhập vào tài khoản của chị V bằng điện thoại của Đ thì thấy đăng nhập thành công nên Đ xóa tin nhắn trên điện thoại của chị V và trả điện thoại lại cho chị V. Do sợ chuyển tiền từ tài khoản của chị V sang tài khoản của mình sẽ bị chị V phát hiện nên Đ gọi điện cho Phùng Văn T, sinh năm 1992 ở xã T, huyện S, tỉnh V hỏi và được T cung cấp cho số tài khoản 10187545002 mang tên Phùng Văn T mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh V. Đến khoảng 06 giờ 13 phút ngày 15/02/2020 Đ sử dụng điện thoại Iphone của mình đã cài đặt sẵn ứng dụng F@st mobile Techcombank đăng nhập vào tài khoản của chị V, Đồng kiểm tra tài khoản của chị V thấy có số dư 6.130.762đ. Sau đó, Đ thực hiện giao dịch chuyển số tiền 6.000.000đ từ số tài khoản 19033073199014 của chị V sang số tài khoản 10187545002 của T. Thấy thông báo chuyển tiền thành công, Đ gọi điện cho T nhờ T rút hộ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T ra cây ATM ở thị trấn L rút tiền và đưa cho

Đ số tiền 6.000.000đ. Toàn bộ số tiền 6.000.000đ chiếm đoạt được từ tài khoản của chị V, Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện L ra yêu cầu số 94, 95 yêu cầu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh V và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chi nhánh V xác định chủ tài khoản và các giao dịch của tài khoản số 101870545002 và 19033073199014 từ ngày 13/02/2020 đến ngày 17/02/2020.

Ngày 06/3/2020 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chi nhánh V có văn bản phúc đáp trả lời: Chủ tài khoản số 19033073199014 là của Chu Thị Hồng V. Vào ngày 15/02/2020 có giao dịch chuyển số tiền 6.000.000đ đến số tài khoản 101870545002 mang tên Phùng Văn T.

Ngày 27/02/2020 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh V có văn bản phúc đáp trả lời: Chủ tài khoản số 101870545002 là của Phùng Văn T. Vào hồi 06 giờ 13 phút ngày 15/02/2020 số tài khoản trên có nhận được số tiền chuyển đến là 6.000.000đ.

Ngày 22/5/2020 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chi nhánh V có văn bản phúc đáp trả lời tiếp: Với thao tác hủy Smart OTP trên thiết bị điện thoại của chị V để đăng ký chuyển smart OTP sang thiết bị điện thoại của Đ là có. Vì vậy, mọi thao tác giao dịch Đ có thể thực hiện được.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện để chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng trong tài khoản của chị V. Bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền 6.000.000 đồng cho chị V. Còn chị Chu Thị Hồng V xác nhận đã nhận lại số tiền 6.000.000đ mà Đ đã chiếm đoạt, chị V không có yêu cầu gì khác đối với Đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Tại Cáo trạng số: 34/CT- VKS ngày 22 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố bị cáo Đỗ Đình Đồng về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Đình Đ từ 9 đến 12 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Đỗ Đình Đ đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận:

Ngày 10/02/2020 Đ mượn điện thoại của chị Chu Thị Hồng V thực hiện thao tác chuyển mã OTP tài khoản ứng dụng F@st mobile Techcombank trên điện thoại của chị V sang điện thoại Iphone của Đ. Sau khi chuyển xong, Đồng thử đăng nhập vào tài khoản của chị V bằng điện thoại của Đ thì thấy đăng nhập được. Đến khoảng 06 giờ 13 phút ngày 15/02/2020 Đỗ Đình Đ đã dùng điện thoại Iphone của mình truy cập vào ứng dụng F@st mobile Techcombank đăng nhập vào tài khoản số 19033073199014 của chị V mở tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh V chuyển số tiền 6.000.000đ từ tài khoản của chị V sang số tài khoản 101870545002 của anh Phùng Văn T, sinh năm 1992 ở thôn C, xã T, huyện S, tỉnh V mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh V. Số tiền 6.000.000đ chiếm đoạt được từ tài khoản của chị V, Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, cơ quan tổ chức được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đỗ Đình Đ phạm tội"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 1 điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định: *"Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây…, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

... c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của ... cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản".

Khi lượng hình, cần xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội cố ý gây thương tích", đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà bị cáo lại có hành vi phạm tội

mới nên phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với Phùng Văn T là người cho Đ số tài khoản để Đ chuyển tiền đến và rút tiền cho Đ. Lời khai của T phù hợp với thời gian, địa điểm rút tiền ở cây ATM tại thị trấn L, huyện L. Quá trình điều tra xác định T không biết, không tham gia, trao đổi gì với Đ về việc chiếm đoạt tài sản của chị V, bị cáo Đ cũng xác định Toán không biết gì về việc Đ chiếm đoạt tài sản của chị V nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 290 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng". Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo Đồng thấy rằng, bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận bị cáo Đỗ Đình Đ đã trả lại cho chị Chu Thị Hồng V số tiền 6.000.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số IMEI 355834087261916, mật khẩu 134679 của Đỗ Đình Đồng là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 thẻ sim có in hàng số 8984048000073871322 của Đỗ Đình Đồng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Các hành vi tố tụng, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo Đỗ Đình Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Đình Đ phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật dân sự: Điều 106; Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: Đỗ Đình Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Đỗ Đình Đ đã trả lại chị Chu Thị Hồng V số tiền 6.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng:

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số IMEI 355834087261916, mật khẩu 134679 của Đỗ Đình Đ.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim có in hàng số 8984048000073871322 của Đỗ Đình Đ.

* Về án phí: Bị cáo Đỗ Đình Đ phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi có trụ sở của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh V
- VKSND L
- THA L
- Công an L
- Sở Tư pháp V
- Bị cáo
- Lưu HS+Vp

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp